

QUYẾT ĐỊNH

Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI - XÂY DỰNG TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng;

Căn cứ Văn bản số 4997/UBND-QLĐT ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc quản lý giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Văn bản số 3900/UBND-XD ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế & Vật liệu xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai nội dung như sau:

1. Đơn giá nhân công xây dựng được tính cho một ngày công lao động theo cấp bậc bình quân nhóm công nhân xây dựng, nhóm nhân công khác, đã bao gồm các khoản bảo hiểm của người lao động phải trả theo quy định (*bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn*), không bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp cho nhà nước; đơn giá nhân công bảo đảm cao hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

2. Công bố đơn giá nhân công xây dựng theo các vùng như sau:

Vùng II: Thành phố Lào Cai;

Vùng III: khu vực 1 (Thị xã Sa Pa), khu vực 2 (huyện Bảo Thắng);

Vùng IV: huyện Văn Bàn, huyện Bảo Yên, huyện Bát Xát, huyện Mường Khương, huyện Bắc Hà, huyện Si Ma Cai.

(phụ lục đơn giá nhân công xây dựng kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng: các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn Nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Khuyến khích dự án sử dụng nguồn vốn khác áp dụng đơn giá nhân công xây dựng này.

2. Chuyển tiếp thực hiện các dự án:

a) Gói thầu có thời điểm đóng thầu trước ngày quyết định này có hiệu lực thì không điều chỉnh giá nhân công theo quyết định này. Trường hợp gói thầu thực hiện theo đơn giá điều chỉnh, hoặc có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng thì thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Gói thầu có thời điểm đóng thầu sau ngày quyết định này có hiệu lực thì chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 943/QĐ-SGTVT-XD ngày 09/11/2021 của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì đề nghị các cơ quan, đơn vị tổng hợp và gửi văn bản về Sở Giao thông vận tải - Xây dựng để nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lào Cai;
- Ban QLDA ĐTXD, BQLDAGT, Ban ODA
- Ban QLDA ĐTXD các huyện, thị xã, TP;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở GTVT-XD;
- Ban Giám đốc Sở GTVT-XD;
- Đăng công TTĐT Sở GTVT-XD;
- Lưu: VT, KTVL

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Văn Lương

PHỤ LỤC: ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

(Công bố kèm theo Quyết định số 350 /QĐ-SGTVTXD ngày 10/8/2023
của Sở Giao thông vận tải- Xây dựng Lào Cai)

1. Đơn giá nhân công Vùng II

Số TT	Nhóm nhân công	Cấp bậc bình quân	Vùng II: Thành phố Lào Cai
I	Nhóm nhân công xây dựng		
1	Nhóm I	3,5/7	237.000
2	Nhóm II	3,5/7	264.000
3	Nhóm III	3,5/7	278.000
4	Nhóm IV:		
-	Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/8	291.000
-	Nhóm lái xe các loại	2/4	292.000
II	Nhóm nhân công khác		
1	Kỹ sư trực tiếp khảo sát, thí nghiệm	4/8	315.000
2	Vận hành tàu thuyền		
-	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	423.000
-	Thợ điều khiển tàu sông, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II,	1,5/2	403.000
-	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	403.000
3	Thợ lặn	2/4	576.000
4	Nghệ nhân	1,5/2	540.000

2. Đơn giá nhân công Vùng III

Số TT	Nhóm nhân công	Cấp bậc bình quân	Vùng III	
			Khu vực 1: Thị xã Sa Pa	Khu vực 2: huyện Bảo Thắng
I	Nhóm nhân công xây dựng			
1	Nhóm I	3,5/7	242.000	220.000
2	Nhóm II	3,5/7	275.000	242.000
3	Nhóm III	3,5/7	289.000	254.000
4	Nhóm IV:			
-	Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/8	292.000	267.000
-	Nhóm lái xe các loại	2/4	293.000	268.000
II	Nhóm nhân công khác			
1	Kỹ sư trực tiếp khảo sát, thí nghiệm	4/8	308.000	296.000
2	Vận hành tàu thuyền			
-	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	424.000	422.000
-	Thợ điều khiển tàu sông, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II,	1,5/2	404.000	400.000
-	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	404.000	400.000
3	Thợ lặn	2/4	577.000	562.000
4	Nghệ nhân	1,5/2	527.000	502.000

3. Đơn giá nhân công Vùng IV

Số TT	Nhóm nhân công	Cấp bậc bình quân	Vùng IV: huyện Văn Bàn; huyện Bảo Yên; huyện Bát Xát; huyện Mường Khương; huyện Bắc Hà; huyện Si Ma Cai.
I	Nhóm nhân công xây dựng		
1	Nhóm I	3,5/7	220.000
2	Nhóm II	3,5/7	242.000
3	Nhóm III	3,5/7	254.000
4	Nhóm IV:		
-	Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/8	267.000
-	Nhóm lái xe các loại	2/4	268.000
II	Nhóm nhân công khác		
1	Kỹ sư trực tiếp khảo sát, thí nghiệm	4/8	296.000
2	Vận hành tàu thuyền		
-	Thuyền trưởng, Thuyền phó	1,5/2	422.000
-	Thợ điều khiển tàu sông, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II,	1,5/2	400.000
-	Thủy thủ, Thợ máy, thợ điện, kỹ thuật viên	2/4	400.000
3	Thợ lặn	2/4	562.000
4	Nghệ nhân	1,5/2	502.000

4. Danh mục nhóm nhân công

I	Nhóm nhân công xây dựng	Nội dung công việc
1	Nhóm I	- Phát cây, phá dỡ công trình, tháo dỡ kết cấu công trình, bộ phận máy móc, thiết bị; - Nhổ cỏ, cắt tỉa cây, trồng cây cảnh, hoa, cỏ; - Bóc xếp, vận chuyển vật liệu; - Đào, đắp xúc, san đất, cát, đá, phế thải; - Đóng gói vật liệu rời; - Vận chuyển, bốc vác, xếp đặt thủ công; - Các công tác thủ công đơn giản khác
2	Nhóm II	- Phục vụ công tác đổ bê tông, làm móng; - Sản xuất, lắp dựng ván khuôn, giàn giáo, giáo an toàn, sàn đạo giá long môn; - Làm cốt thép, thép bàn mã, thép hình, thép tấm. - Xây, kê đá, bó vỉa nền đường; - Sản xuất lắp dựng vì kèo gỗ, thép, tôn, kính.. - Làm trần cốt ép, trần nhựa, mái ngói, broximang.. - Cắt mài đá, ống thép, ống nhựa, tẩy rỉ thép, đánh vecni.. - Quét vôi ve, nhựa đường; Các công tác làm sạch bề mặt khác. - Phục vụ ép nhỏ, đóng cọc, cừ, (gỗ tre, thép, bê tông..) - Khoan cắt bê tông; - Phục vụ khoan giếng, khoan dẫn, khoan tạo lỗ và các công tác phục vụ công tác khoan như bơm dung dịch chống sụt thành hố khoan, hạ ống vách... - làm cọc cát, giếng cát, cọc xi măng đất gia cố, gia cố nền đất yếu.. - Các công tác khác cùng tính chất công việc. - Trát, ốp lát tường gạch, đá, bê tông, láng nền, lợp mái, trang trí tường, cách âm; Sơn, bả bề mặt tường, kim loại, gỗ; - Sản xuất, lắp dựng thang sắt, lan can, vách ngăn, cửa sổ trời, hàng rào thép, hàng rào sóng sắt, cửa song sắt, cửa sắt, hoa sắt, cổng sắt, lam chắn nắng; Sản xuất và làm sàn gỗ. - Làm trần thạch cao, trần nhôm, trần Inox, trần thép, đồng - Lắp dựng khuôn, cửa thép, gỗ, nhôm, kính, Inox, tấm tường panel, tấm sàn, mái 3D-SG, tôn lượn sóng, trụ đỡ tôn lượn sóng. - Làm tiểu cảnh, hồ nước nhân tạo - Lắp đặt điện, nước thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy, lắp cáp viễn thông thông tin. - Các công tác khác cùng tính chất công việc. - Sản xuất, lắp đặt các kết cấu, thiết bị phục vụ giao thông, đường bộ, đường sắt, sân bay, bến cảng... - Hoàn thiện mặt đường, mặt cầu, gắn phản quang, lắp đặt giải phân cách, sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang, làm khe co giãn, lắp đặt gối cầu, cắt trám khe đường lăn sân đỗ; - Phục vụ đổ rải nhựa đường, bê tông nhựa;

		- Phục vụ đổ bê tông móng, mố, trụ cầu - Nhân công, quét đường nhựa, làm mối nối ống - Khảo sát xây dựng; - Thí nghiệm vật liệu - Các công tác khác cùng tính chất công việc
		- Gia công lắp dựng cấu kiện thép, bê tông đúc sẵn, lao dầm, dàn cầu thép, khối hộp; - Cốt thép hầm, vòm hầm - Cốt thép công trình thủy công, trụ pin, trụ biên, đập tràn, dốc nước, tháp điều áp - Hàn tay nghề cao, đòi hỏi chứng chỉ quốc tế - Kéo rải đường dây hạ thế, trung thế, lắp đặt trạm biến áp - Các công tác khác cùng tính chất công việc
		- Các công tác cá biệt: thi công đào, dốc cao, trụ tháp, trong hầm lò, khai thác than; - Các công tác cá biệt khác cùng tính chất công việc và điều kiện thi công.
3	Nhóm III	- Lắp đặt neo cáp dự ứng lực; cáp cầu treo - Lắp đặt máy, thiết bị dây chuyên công nghệ - Lắp đặt máy và thiết bị nâng chuyển - Lắp đặt thiết bị trộn, khuấy, lắp đặt thiết bị phân ly, lắp đặt đường ống công nghệ; - Gia công, lắp đặt thiết bị phi tiêu chuẩn - Lắp đặt máy nghiền, sàng, cấp liệu; Lắp đặt lò và thiết bị trao đổi nhiệt - Lắp đặt máy bơm, trạm máy nén khí - Lắp đặt thiết bị lọc bụi ống khói và ống báo ồn - Lắp đặt thiết cân, đóng bao; - Lắp đặt thiết bị bunke, bình bể - Lắp đặt turbin, máy phát điện, thiết bị van - Lắp đặt thiết bị đo lường và điều khiển - Lắp đặt máy móc, thiết bị phức tạp khác - Các công tác khác cùng tính chất công việc - Công tác sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ thi công, máy móc thiết bị lắp đặt công trình, máy móc thiết bị công nghệ....
4	Nhóm IV	- Vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng - Ô tô vận tải thùng, ô tô tự đổ, ô tô tưới nước, tải trọng dưới 25T, cần trục ô tô sức nâng dưới 25T, xe hút mùn khoan, ô tô bán tải, xe ô tô 7 chỗ dùng trong công tác khảo sát, xe hút chân không dưới 14,5m³, xe bơm bê tông, máy phun nhựa đường, xe bồn 13m³ – 14m³, xe nâng, xe thang, đầu kéo <200t.
		- Nhóm lái xe các loại - Ô tô tự đổ, tải trọng từ 25T trở lên, ô tô đầu kéo từ 200CV trở lên, ô tô chuyên trộn bê tông dung tích thùng từ 14,5m³ trở lên, cần trục ô tô sức nâng từ 25T trở lên, xe bồn 30T, ô tô vận tải thùng từ 25T trở lên.

II	Nhóm nhân công khác	
1	Kỹ sư	- Trực tiếp thực hiện các công việc khảo sát, thí nghiệm
2	Vận hành tàu, thuyền	- Công tác vận hành tàu, thuyền: Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ, thợ máy, thợ điện, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II.
3	Thợ lặn	- Thực hiện một số công việc dưới nước trong thi công xây dựng
4	Nghệ nhân	- Công tác chế tác đồ gỗ mỹ nghệ, chế tác đồ đá mỹ nghệ, chế tác tượng,